

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN đẩy mạnh hút thanh khoản trong bối cảnh áp lực tỷ giá gia tăng

NHNN đẩy mạnh hút thanh khoản

Trong tuần 51 của năm 2024 (16 đến 20 tháng 12), NHNN đã hút mạnh thanh khoản khi căng thẳng tỷ giá leo thang. Cụ thể, NHNN đã phát hành gần 14.00 nghìn tỷ đồng thông qua hợp đồng mua lại, trong khi có đến 51.00 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến việc NHNN hút ròng 37.00 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Thêm vào đó, NHNN đã rút thêm 34.45 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng thông qua việc phát hành 50.42 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu, trong khi chỉ 15.98 nghìn tỷ đồng đáo hạn trong tuần. Tổng cộng, NHNN đã hút ròng 71.45 nghìn tỷ đồng từ hệ thống ngân hàng trong tuần này.

Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ

Tuần này, đường cong lãi suất liên ngân hàng đã tăng ở hầu hết các kỳ hạn do NHNN thực hiện hút thanh khoản mạnh. Cụ thể, ngoại trừ kỳ hạn 1 tháng giảm nhẹ 2 điểm cơ bản xuống mức 4.73%, các kỳ hạn khác như qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, và 3 tháng lần lượt tăng 12 điểm cơ bản, 35 điểm cơ bản, 63 điểm cơ bản, và 20 điểm cơ bản, đạt mức 3.77%, 4.20%, 4.63%, và 4.80%.

USDVND mở rộng đà tăng

Trong tuần, USDVND tiếp tục tăng tuần thứ ba liên tiếp. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng nhẹ 0.20%, tương đương 51 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 25,455 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, DXY phục hồi về mốc 107.6 và tăng 0.58% vào ngày thứ Sáu, được thúc đẩy bởi cuộc họp FOMC khi Fed quyết định hạ lãi suất thêm 25 điểm cơ bản như kỳ vọng của thị trường. Tuy nhiên, đồng thời Fed cũng phát tín hiệu thận trọng trong các quyết định lãi suất năm 2025, gây ra biến động đáng kể trên thị trường tài chính toàn cầu và đẩy DXY vượt mốc 108. Trong nước, USDVND chạm mức giá bán ra của NHNN, có thể đã khiến cơ quan này thực hiện các biện pháp can thiệp để giảm bớt áp lực lên tỷ giá.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	T11/24	Corr. ¹
FDI %n/n	9.4	9.5	5.3	13.2	7.6	-6.7	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.9	8.6	8.4	7.1	9.4	8.8	-0.18
Xuất khẩu %n/n	13.1	20.2	14.5	11.0	10.3	8.2	-0.16
Nhập khẩu %n/n	14.7	25.0	12.4	11.5	13.8	9.8	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	3.2	2.4	4.5	2.3	2.0	1.1	-0.10
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.17	0.48		0.29	0.33	0.13	-0.07
Tín dụng %n/n	15.3	15.3	15.7	16.1	16.6	15.8	-0.23
USDVND %t/t	0.02	-0.81	-1.48	-1.24	2.91	0.16	-0.39
PMI(Điểm)	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2	50.8	-0.25
VNINDEX %t/t	-1.2	0.7	2.6	0.8	-1.8	-1.1	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN đẩy mạnh hút thanh khoản	1
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở các kỳ hạn	3
III. Lợi suất TPCP tăng ở tất cả các kỳ hạn	4
IV. USDVND mở rộng đà tăng	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

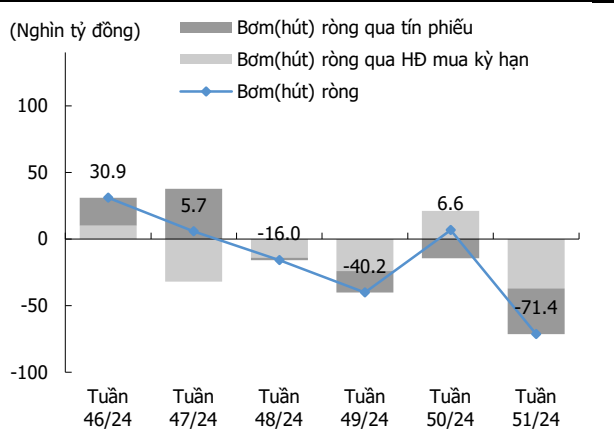
I. NHNN đẩy mạnh hút thanh khoản

NHNN đẩy mạnh hút thanh khoản trong bối cảnh áp lực tỷ giá theo thang

Trong tuần 51 của năm 2024 (16 đến 20 tháng 12), NHNN đã hút mạnh thanh khoản khi căng thẳng tỷ giá leo thang. Cụ thể, NHNN đã phát hành gần 14.00 nghìn tỷ đồng thông qua hợp đồng mua lại, trong khi có đến 51.00 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến việc NHNN hút ròng 37.00 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Thêm vào đó, NHNN đã rút thêm 34.45 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng thông qua việc phát hành 50.42 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu, trong khi chỉ 15.98 nghìn tỷ đồng đáo hạn trong tuần. Tổng cộng, NHNN đã hút ròng 71.45 nghìn tỷ đồng từ hệ thống ngân hàng trong tuần này.

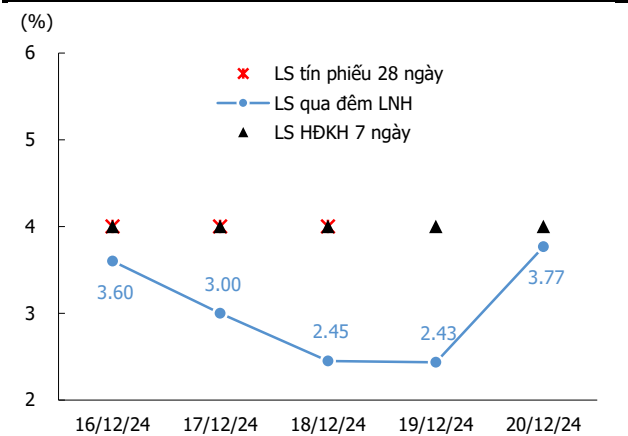
Diễn biến này được thúc đẩy bởi áp lực tỷ giá gia tăng trước các sự kiện toàn cầu, đặc biệt là từ cuộc họp FOMC của Mỹ sau khi Fed thể hiện quan điểm thận trọng trong năm 2025. Kết quả là, đồng USD tăng mạnh ngay sau đó và gây áp lực lớn lên tỷ giá trong nước. Để giảm thiểu tác động này, NHNN đã triển khai các biện pháp can thiệp như hút thanh khoản và bán ngoại tệ trong tuần để giảm sức ép từ các tác động này.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
16/12/24	23/12/24	7	1.00	4.00
17/12/24	24/12/24	7	1.00	4.00
18/12/24	25/12/24	7	1.00	4.00
19/12/24	26/12/24	7	1.00	4.00
20/12/24	3/1/25	14	10.00	4.00
Total			14.00	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin về phát hành TP kỳ hạn 7 và 14 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
16/12/24	30/12/24	14	9.30	4.00
17/12/24	31/12/24	14	9.85	4.00
18/12/24	1/1/24	14	5.35	4.00
19/12/24	2/1/24	14	3.70	4.00
19/12/24	26/12/24	7	10.00	4.00
20/12/24	27/12/24	7	6.64	4.00

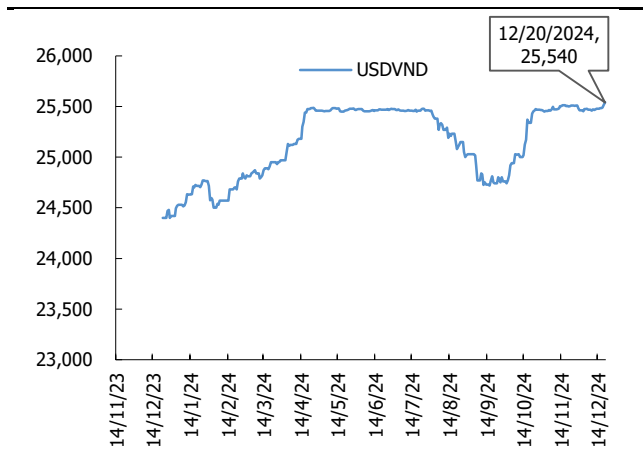
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
16/12/24	13/1/24	28	2.88	4.00
17/12/24	14/1/25	28	1.20	4.00
18/12/24	15/1/25	28	1.50	4.00
Total		28	5.58	4.00

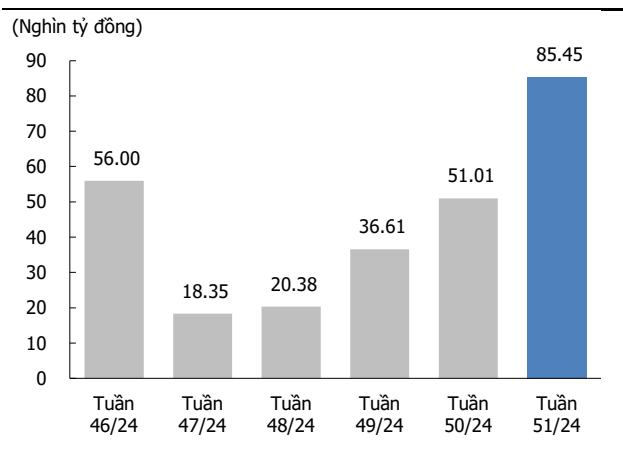
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Diễn biến USD/VND



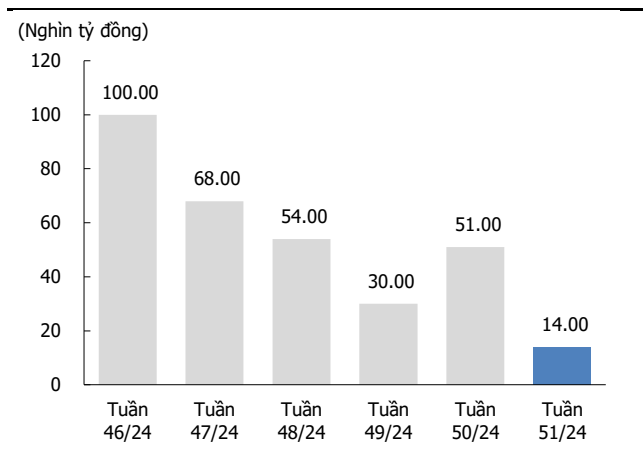
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 7. Tín phiếu đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 8. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

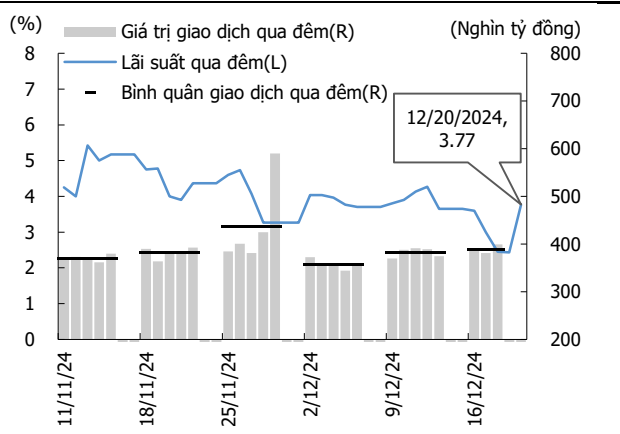
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở các kỳ hạn

Đường cong lãi suất liên ngân hàng tăng ở hầu hết các kỳ hạn

Trong tuần, đường cong lãi suất liên ngân hàng đã tăng ở hầu hết các kỳ hạn do NHNN thực hiện hút thanh khoản mạnh. Cụ thể, ngoại trừ kỳ hạn 1 tháng (1M) giảm nhẹ 2 điểm cơ bản xuống mức 4.73%, các kỳ hạn khác như qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W), và 3 tháng (3M) lần lượt tăng 12 điểm cơ bản, 35 điểm cơ bản, 63 điểm cơ bản, và 20 điểm cơ bản, đạt mức 3.77%, 4.20%, 4.63%, và 4.80%.

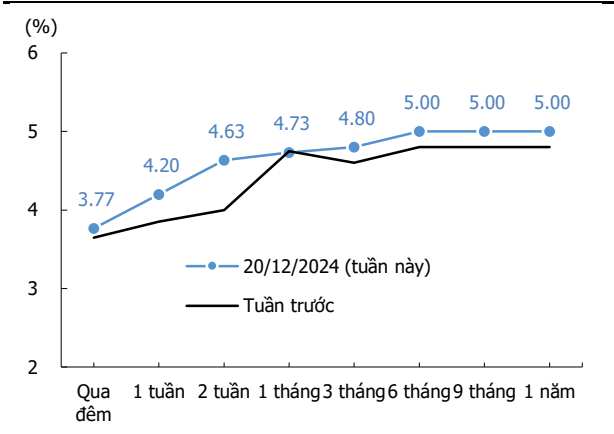
Diễn biến lãi suất liên ngân hàng tuần này chủ yếu bị ảnh hưởng bởi áp lực tỷ giá khi đồng USD tăng mạnh sau cuộc họp FOMC, khiến NHNN phải triển khai các biện pháp can thiệp như hút thanh khoản để ổn định sức ép về tỷ giá. Chúng tôi dự đoán rằng tỷ giá sẽ chịu nhiều biến động trong giai đoạn cuối năm, khi giá trị của đồng USD vẫn là yếu tố trung tâm. Kỳ vọng của thị trường được dự báo sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình diễn biến của đồng bạc xanh trong thời gian này.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



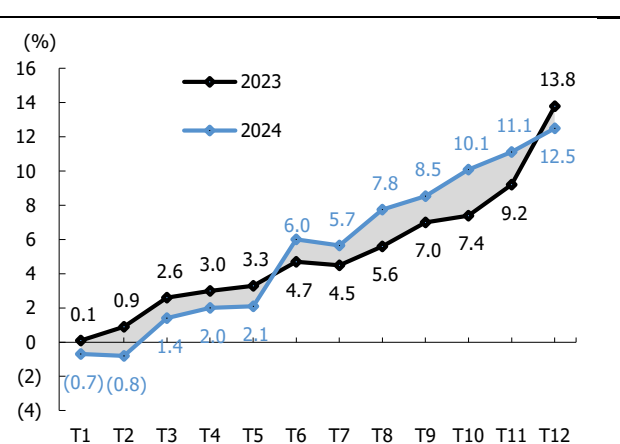
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



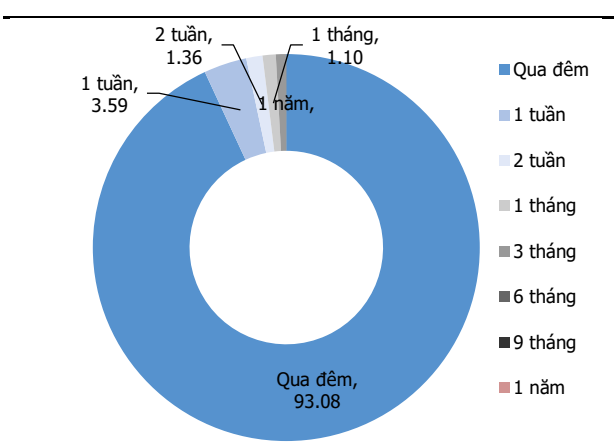
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
Ghi chú: Cập nhật đến ngày 5 tháng năm 2024

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



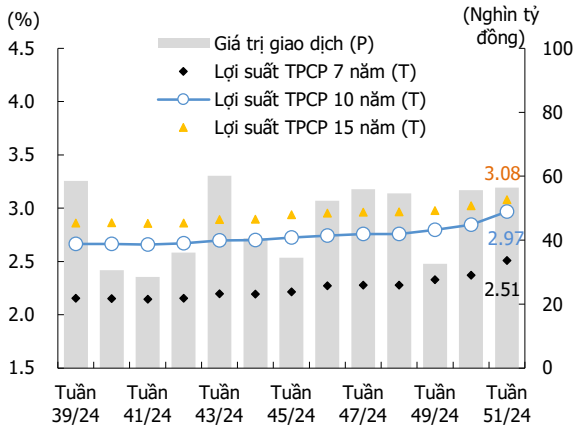
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP tăng ở tất cả các kỳ hạn

Lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng trên khắp các kỳ hạn

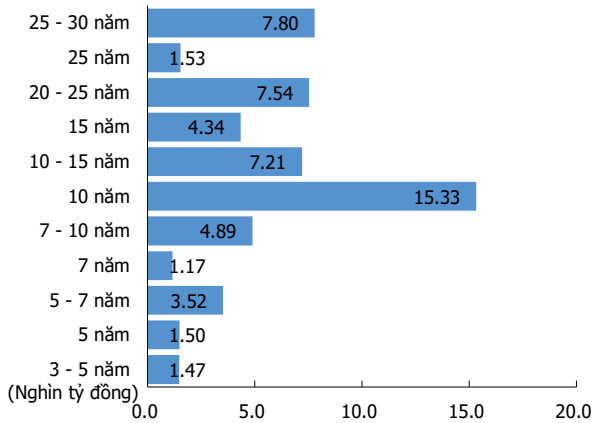
Trong tuần, lợi suất trái phiếu Chính phủ (TPCP) tăng mạnh trên tất cả các kỳ hạn, trong khi giá trị giao dịch gần như thay đổi không đáng kể. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn gồm 4 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm và 20 năm lần lượt tăng 11đcb, 15đcb, 14đcb, 12đcb và 9đcb, đạt mức 2.13%, 2.29%, 2.51%, 2.97% và 3.17%. Tổng giá trị giao dịch tăng nhẹ 1.36% so với tuần trước, lên 56.43 nghìn tỷ đồng, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày là 11.29 nghìn tỷ đồng.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



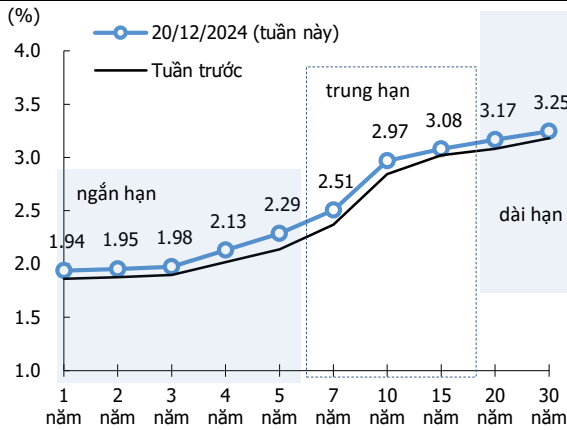
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



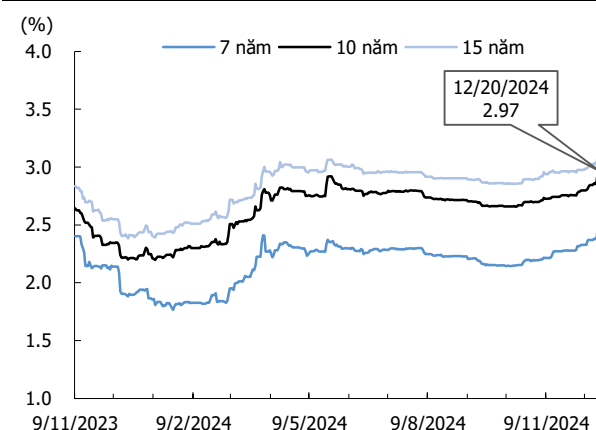
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

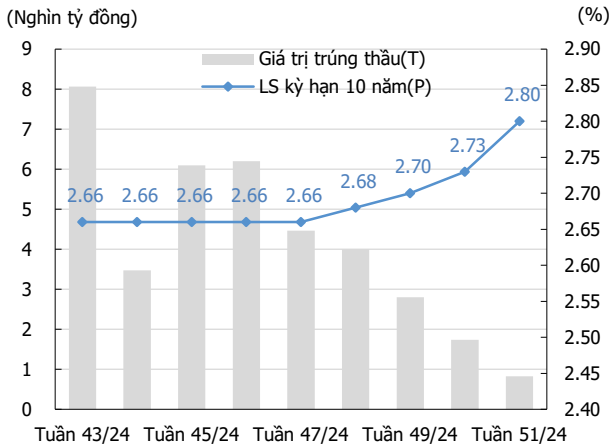
Hình 16: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

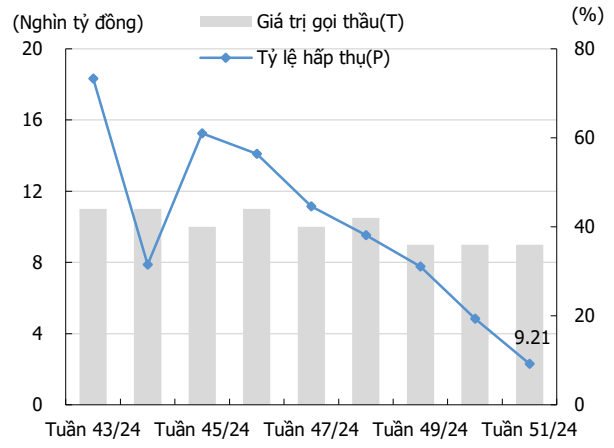
Trên thị trường sơ cấp, tuần 51 ghi nhận nhu cầu đã giảm so với tuần trước, với lãi suất trúng thầu tăng mạnh và giá trị trúng thầu giảm đáng kể. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 0.83 nghìn tỷ đồng trong tuần, với lãi suất trúng thầu tăng nhẹ 7đcb lên 2.80%. Tính đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 328.88 nghìn tỷ đồng kể từ đầu năm, đạt 82.22% mục tiêu năm 2024. Tiến độ năm nay nhanh hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước, với tỷ lệ hoàn thành cao hơn 1.96% so với cùng kỳ.

Hình 17: Giá trị trúng thầu hàng tuần



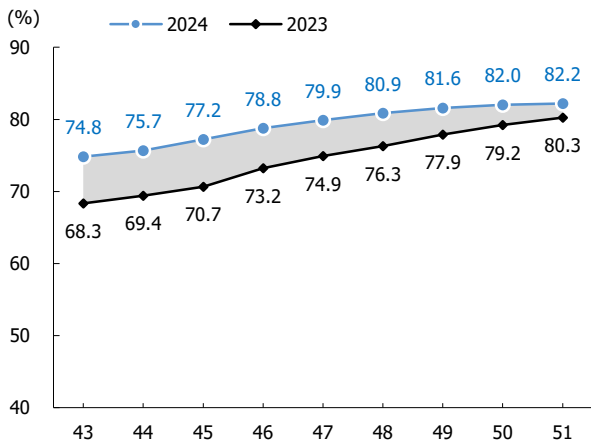
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Hệ số hấp thụ hàng tuần



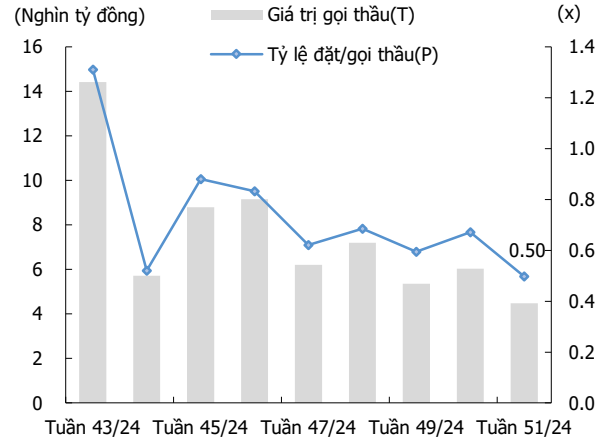
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



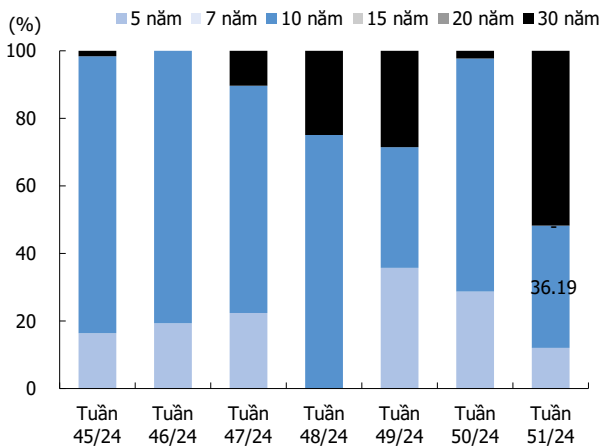
Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



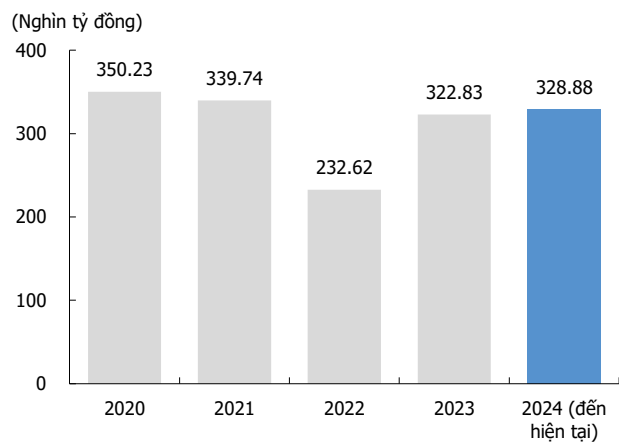
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 22: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. USDVND mở rộng đà tăng

USDVND tăng tuần thứ ba liên tiếp

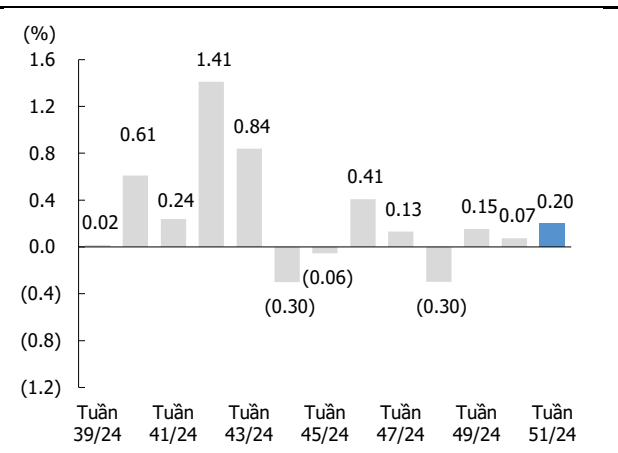
Trong tuần, USDVND tiếp tục tăng tuần thứ ba liên tiếp. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng 0.20%, tương đương 51 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 25,455 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, DXY phục hồi về mốc 107.6, tăng 0.58% vào ngày thứ Sáu.

Đà tăng của USD trong tuần được thúc đẩy bởi cuộc họp FOMC khi Fed quyết định hạ lãi suất thêm 25 điểm cơ bản như kỳ vọng của thị trường, đánh dấu lần giảm lãi suất thứ ba trong năm nay. Tuy nhiên, tín hiệu thận trọng của Fed về khả năng tiếp tục cắt giảm lãi suất trong năm tới đã gây ra biến động đáng kể trên thị trường tài chính toàn cầu, đẩy DXY vượt mốc 108. Tuy nhiên, những biến động này đã phần nào hạ nhiệt trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu, nhờ dữ liệu PCE tích cực khi chỉ tăng 0.1% MoM và 2.4% YoY, đều thấp hơn dự báo 0.1 điểm phần trăm, cho thấy xu hướng lạm phát đang hạ nhiệt.

Trong nước, USDVND chạm mức giá bán ra của NHNN, khả năng cao đã khiến NHNN can thiệp để giảm áp lực tỷ giá. Bên cạnh đó, tỷ giá cũng chịu áp lực từ xu hướng bán ròng của khối ngoại, với giá trị bán ròng đạt 1.33 nghìn tỷ đồng, tương đương 1.9% giá trị giao dịch trong tuần. Ngoài ra, cán cân thương mại ghi nhận mức thâm hụt khoảng 0.76 tỷ USD trong nửa đầu tháng 12, tiếp tục làm gia tăng nhu cầu đối với đồng bạc xanh.

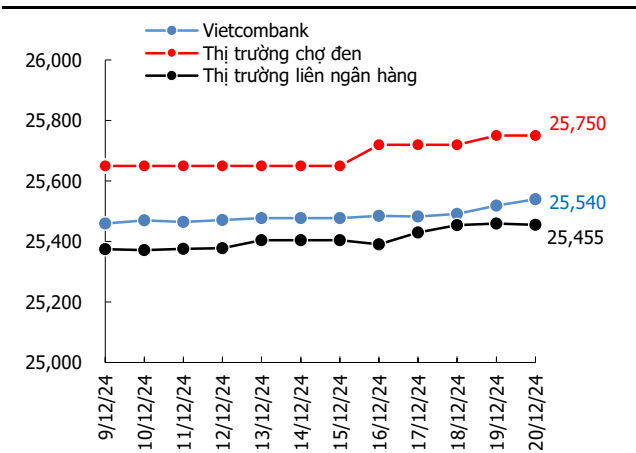
Trên thị trường ngoại hối, giá chào bán tại Vietcombank tăng 0.25% hay 63 điểm phần trăm, trong khi giá ở thị trường tự do tăng 0.39% hay 100 điểm phần trăm so với tuần trước. Vào ngày thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường tự do lần lượt ghi nhận ở mức 25,540 và 25,750 đồng cho một USD.

Hình 23: Diễn biến của USDVND theo tuần



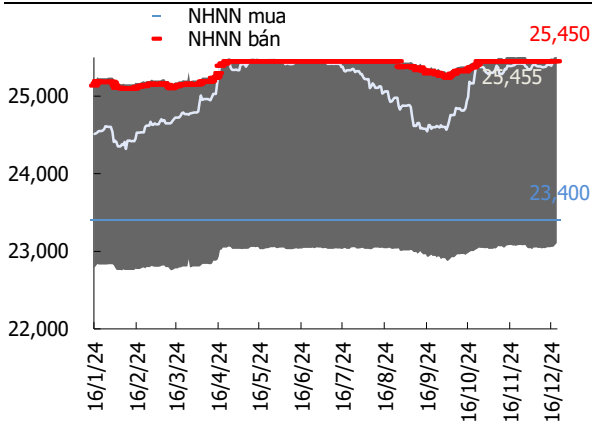
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



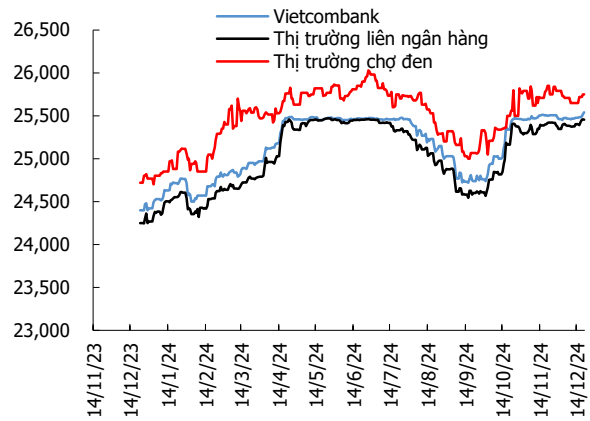
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 25: Diễn biến giao dịch của NHNN



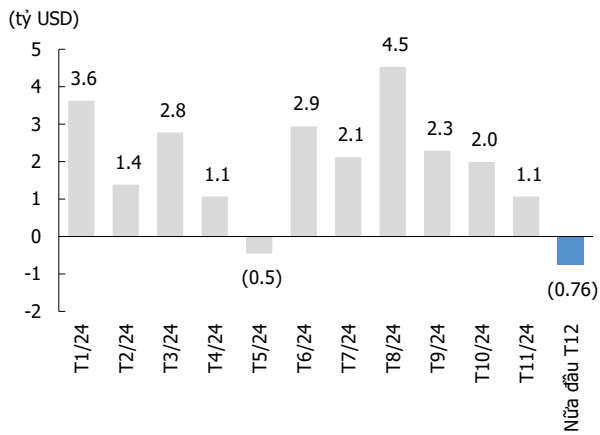
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 26: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



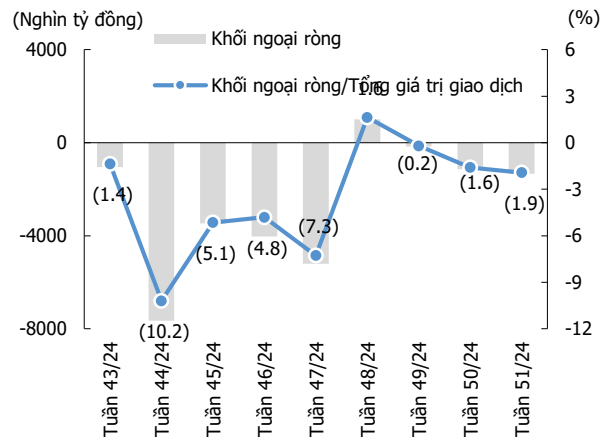
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 27: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



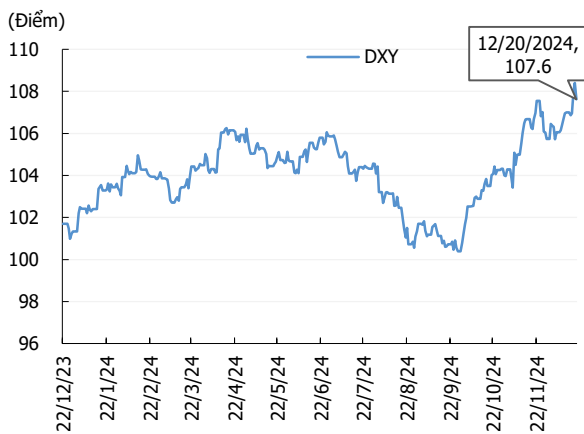
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 20 tháng 12, 2024

Hình 28: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 29: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 30: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

Tỷ giá	Cơ chế	49W24	50W24	51W24	2024YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	0.30	0.89	0.58	6.21
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.34	0.03	0.30	2.75
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	-0.09	-0.63	-0.68	-5.52
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	0.15	2.43	1.73	10.83
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	1.88	0.85	0.82	12.35
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	0.24	0.45	0.53	2.70
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	-0.67	0.16	1.01	0.97
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.15	0.07	0.20	4.90

Nguồn: NHNN, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá tăng nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	T11/24	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	2020	2021	2022	2023
Tăng GDP thực (%)						6.72	5.66	6.93	7.40	2.91	2.58	8.02	5.05
FDI đăng ký (USD bn)	2.82	2.53	4.26	2.48	4.12	16.40	6.18	9.01	9.59	28.53	31.15	27.72	36.61
GDP bình quân (USD)										3,521	3,725	4,110	4,285
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.28	2.24	2.29	2.24	2.48	3.22	2.32	2.26
Xuất khẩu (tỷ USD)	35.92	37.59	34.05	35.59	33.73	96.53	93.06	98.2	108.6	282.7	335.7	371.85	355.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	33.80	33.06	31.76	33.60	32.67	90.17	84.98	94.0	99.7	263	331.1	360.65	327.5
Tăng trưởng XK (%)	19.11	14.54	10.70	10.09	8.16	8.80	16.98	13.59	15.82	7.02	18.74	10.61	-4.4
Tăng trưởng NK (%)	24.73	12.38	11.06	13.56	9.81	8.01	13.88	20.65	17.19	3.81	25.9	8.35	-8.9
Lạm phát (%)	4.36	3.45	2.63	2.68	2.77	3.54	3.77	4.39	3.48	3.24	1.84	3.15	3.25
USD/VND	25,320	24,860	24,093	25,282	25,346	24,260	24,786	25,458	24,093	23,126	22,790	23,650	23,784
Tăng trưởng tín dụng (%)	15.1	14.9	14.6	16.6	15.8	10.82	11.6	13.5	15.3	12.17	12.97	12.87	11.09
TPCP 10 năm (%)	2.79	2.83	2.66	2.70	2.76	2.23	2.59	2.81	2.66	2.01	2.11	5.08	2.39

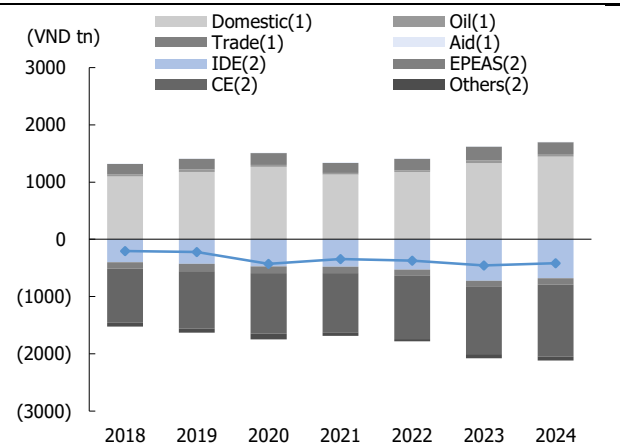
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

**Khái niệm

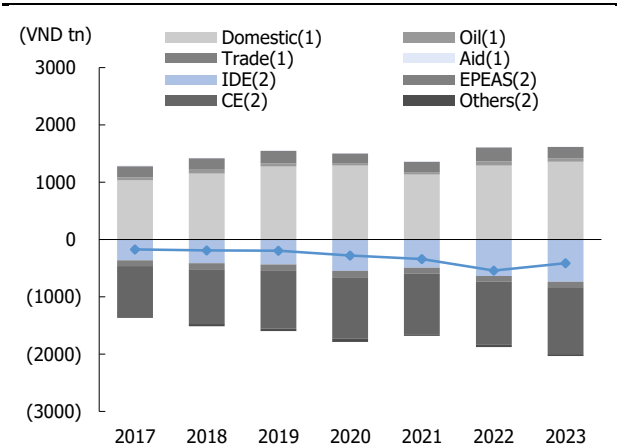
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.80%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 9.21%
- * Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 0.50%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~107.6
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.77%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	2Q24	3Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	4.5	7.8
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	97.9	108.2
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	89.3	94.6
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	8.5	13.6
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.5	5.9
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.3	9.8
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	5.4	6.1
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	3.8	3.9
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.1	1.0
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	(6.3)	(2.7)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	5.0	5.2
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	(0.1)
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(1.6)	(0.8)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	(5.2)	(2.6)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(4.4)	(4.2)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(5.1)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	6.1	(0.1)

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.